

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THUẬN THÀNH  
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ- ST.

Ngày: 28/10/2020.

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN THÀNH - TỈNH BẮC NINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Huy Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Sơn và ông Lê Bá Thành.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký TAND huyện Thuận Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Thành tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2020. Tại trụ sở TAND huyện Thuận Thành tỉnh Bắc Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 108/2020/TLST-HNGĐ ngày 15/6/2020 về: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 29/9/2020 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Vương Thị G, sinh năm 1989.

**Bị đơn:** Anh Vương Đức T, sinh năm 1987.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Vương Đức T1, sinh năm 1963.

Cùng địa chỉ: Thôn Đồng Đoài, xã Đại Đồng Thành, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.(Các đương sự đều có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện và bản tự khai tại Tòa án nguyên đơn chị Vương Thị G trình bày như sau:*

Chị kết hôn với anh Vương Đức T ngày 22 tháng 10 năm 2007 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đại đồng Thành - Thuận Thành - tỉnh Bắc Ninh. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng gia đình anh T ngay, tình cảm vợ chồng ban đầu hoà thuận, hạnh phúc. Năm 2014 chị G đi lao động tại Đài Loan đến tháng 10 năm 2019 chị về nước thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, hơn nữa do vợ chồng không tin tưởng nhau về vấn đề kinh tế, tháng 11/2019 thì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng chị đã về nhà mẹ đẻ ở vợ chồng sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vương Đức T để mỗi người có cuộc sống mới.

Về con chung: Chị xác định quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là Vương Đức K, sinh ngày 19/10/2008 và cháu Vương Đức T2, sinh ngày

02/7/2011. Hiện cả hai cháu khoẻ mạnh phát triển bình thường, trong thời gian vợ chồng sống ly thân thì cả hai cháu do anh T chăm sóc nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp và ruộng canh tác tại địa phương: Chị xác nhận không có gì vướng mắc nên không đề nghị Toà án xem xét giải quyết.

Về tài sản riêng: Chị xác định trong thời gian lao động tại Đài Loan chị có gửi về khoảng hơn 20.000 USD hiện số tiền này sau khi trừ đi khoản tiền chi phí và nuôi con chung thì còn khoảng 13.000USD số tiền này hiện ông Vương Đức T1 là bố chồng đang quản lý. Nay ly hôn chị xác nhận số tiền này là tài sản riêng của chị nếu ông T1 trả lại thì chị nhất trí nhận còn nếu không chị cũng không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản ghi lời khai tại Toà án anh Vương Đức T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận lời trình bày của chị G về thời gian, điều kiện kết hôn cũng như cuộc sống chung của vợ chồng là đúng, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng chị G bỏ về nhà đẻ ở từ tháng 11/2019 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị G xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Anh xác định quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là Vương Đức K, sinh ngày 19/10/2008 và cháu Vương Đức T2, sinh ngày 02/7/2011. Hiện cả hai cháu khoẻ mạnh phát triển bình thường từ trước đến nay cả hai cháu đều do anh và bố mẹ anh chăm sóc nuôi dưỡng và kể từ khi vợ chồng sống ly thân thì các cháu vẫn ở với anh.

Sau khi ly hôn anh xác định các cháu đã lớn nếu các cháu muốn ở với ai thì do các cháu quyết định anh đều nhất trí.

Về tài sản chung riêng, công nợ và đất nông nghiệp: Anh xác định vợ chồng không có gì vợ chồng ly hôn anh không đề nghị đề Toà án xem xét, giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Toà án triệu tập ông Vương Đức T1 tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Tại bản tự khai và biên bản ghi lời khai ông T1 đều trình bày: Ông xây dựng gia đình cho cháu T, cháu G năm 2007. Năm 2014 cháu G đi lao động tại Đài Loan có gửi tiền về cho ông quản lý giúp. Sau khi đã trừ đi các khoản chi phí hiện nay ông xác nhận còn quản lý số tiền là 13.000USD do chị G gửi về, ông xác định đây là tài sản chung của vợ chồng G T nếu vợ chồng ly hôn ông sẽ có trách nhiệm trả lại cháu G, T.

Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tiến hành hoà giải xong các đương sự không tự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên toà chị Vương Thị G vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh Vương Đức T và đề nghị xem xét việc nuôi con chung.

Đối với tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp và ruộng canh tác tại địa phương chị không đề nghị Toà án xem xét giải quyết.

Đối với số tiền còn lại trong thời gian chị đi lao động tại Đài Loan số tiền này hiện ông Vương Đức T1 là bố chồng đang quản lý. Nay ly hôn chị không đề nghị Toà án xem xét giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay anh Vương Đức T nhất trí ly hôn theo đề nghị của chị G. Vấn đề nuôi con chung anh đề nghị Toà án xem xét nguyện vọng của các cháu sau khi vợ chồng ly hôn nếu các cháu có nguyện vọng ở với ai anh đều nhất trí.

Tài sản chung, riêng, công nợ, công sức đóng góp và ruộng canh tác tại địa phương tại phiên toà hôm nay chị G không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết anh hoàn toàn nhất trí.

Cũng tại phiên toà hôm nay ông T1 có mặt tại phiên toà sau khi nghe các bên trình bày, đối với số tiền hiện nay ông đang quản lý tại phiên toà hôm nay chị G không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết ông hoàn toàn nhất trí và không có ý kiến gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu và kết luận việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự.

Về tố tụng: Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và thời hạn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Áp dụng Điều 147, Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về lệ phí án phí Tòa án. Đề nghị HĐXX tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Vương Thị G và anh Vương Đức T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Vương Đức K, sinh ngày 19/10/2008 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con chung là cháu Vương Đức T2, sinh ngày 02/7/2011 cho chị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra. Các bên được quyền thăm nom con chung.

3. Về tài sản chung, riêng, công nợ, công sức đóng góp và ruộng canh tác tại địa phương: Các đương sự không yêu cầu; Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vương Thị G phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà; Sau khi nghe vị đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vương Thị G kết hôn với anh Vương Đức T năm 2007, trước khi kết hôn anh chị có được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND Đại Đồng Thành - huyện Thuận Thành - tỉnh Bắc Ninh đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về kết hôn, do vậy là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị G; Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị G và anh T là có thật, nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau nên đã xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã chấm dứt mọi quan hệ từ tháng 11/2019 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành hoà giải nhiều lần để vợ chồng về đoàn tụ song đều không có kết quả. Trong các biên bản hoà giải và tại phiên toà hôm nay anh T cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh cũng nhất trí ly hôn theo nguyện vọng của chị G; Xét lời đề nghị của chị G xin được ly hôn anh T, các bên đều nhất trí ly hôn việc các bên thoả thuận tình ly hôn là phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, nên xử Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Vương Thị G và anh Vương Đức T là phù hợp.

Về con chung: Chị Vương Thị G, anh Vương Đức T trình bày vợ chồng có hai con chung là cháu Vương Đức K, sinh ngày 19/10/2008 và cháu Vương Đức T2, sinh ngày 02/7/2011. Hiện cả hai cháu khoẻ mạnh phát triển bình thường từ trước đến nay cả hai cháu đều do anh và bố mẹ anh chăm sóc nuôi dưỡng và kể từ khi vợ chồng sống ly thân thì các cháu vẫn ở với anh. Nay ly hôn chị G có nguyện vọng được chăm sóc nuôi dưỡng cháu Vương Đức T2; Xét yêu cầu nuôi con chung của chị G, Hội đồng xét xử xét thấy; Mặc dù hiện nay hai cháu đều do anh T chăm sóc nuôi dưỡng và tại biên bản ghi lời trình bày của cả hai cháu thì hai cháu đều có nguyện vọng ở với bố tuy nhiên trong thời gian chị G đi lao động tại Đài Loan chị vẫn có trách nhiệm gửi tiền về để cho anh T cũng như ông T1 thay mặt chị để chăm sóc hai cháu, hơn nữa các cháu còn nhỏ nên việc nhận thức chưa đầy đủ mặt khác hiện nay chị đã về nước có việc làm, thu nhập ổn định, tại biên bản xác minh tại Phòng lao động thương binh và xã hội Huyện có ý kiến việc giao con cho ai trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con cũng như đảm bảo quyền lợi của người phụ nữ sau khi ly hôn; do vậy sau khi chị G anh T ly hôn nên cần giao con chung là cháu Vương Đức K, sinh ngày 19/10/2008 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao con chung là cháu Vương Đức T2, sinh ngày 02/7/2011 cho chị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung do các bên không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Các bên được quyền thăm nom con chung.

Đối với yêu cầu của anh T về việc nuôi con chung sau khi ly hôn, anh cho rằng các cháu ở với ai là quyền của các cháu, lý do này anh đưa ra chỉ nhằm gây khó khăn cũng như việc đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu và cũng như nhận định ở trên do các cháu còn nhỏ nên việc nhận thức còn hạn chế chưa đầy đủ; do vậy không thể căn cứ vào yêu cầu cụ thể của các cháu cũng như đề nghị của anh T được.

Về tài sản chung, riêng công nợ, công sức đóng góp và đất nông nghiệp: Chị Vương Thị G và anh Vương Đức T đều không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Vương Thị G phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH**

Về nội dung: Áp dụng Điều 147, Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về lệ phí án phí Tòa án. Đề nghị HĐXX tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Vương Thị G và anh Vương Đức T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Vương Đức K, sinh ngày 19/10/2008 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con chung là cháu Vương Đức T2, sinh ngày 02/7/2011 cho chị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra. Các bên được quyền thăm nom con chung.

3. Về án phí: Chị G phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm (xác nhận chị G đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0003494 ngày 15 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Thành).

Đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt án vắng mặt hoặc niêm yết kết quả bản án theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhân:**

- Toà án tỉnh BN;
- VKSND huyện Thuận Thành;
- THA huyện Thuận Thành;
- UBND xã Đại Đồng Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**  
**(Đã ký)**

**Nguyễn Huy Tuấn**